

Số: /QĐ-TĐHHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập học bổng chính sách, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên đại học chính quy của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội**

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

*Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP, ngày 17/7/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐT&XH, ngày 25/8/1998 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Tài chính – Bộ Lao động Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;*

*Căn cứ thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT/BGD&ĐT-BTC, ngày 28/3/2002 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Tài chính về việc điều chỉnh mức học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;*

*Căn cứ thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐT&XH, ngày 03/8/2009 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên đại học chính quy của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội”.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 847/QĐ-TĐHHN, ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc “Ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên đại học và cao đẳng hệ chính quy của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội”.

**Điều 3:** Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường, Chủ nhiệm lớp và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Chủ tịch HĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Website trường;
- Lưu: VT, CTSV (2).TTLT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thị Trinh**

## HƯỚNG DẪN

**Thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập  
học bổng chính sách, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên  
đại học chính quy của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội**  
(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021  
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

### Phần 1

## HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

### Điều 1. Đối tượng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập

- Học bổng khuyến khích học tập được xét, cấp cho sinh viên đại học chính quy, đang học văn bằng thứ nhất (*không xét sinh viên ngừng học do bảo lưu kết quả*) và thỏa mãn các điều kiện sau đây trong kỳ xét, cấp học bổng:

- + ) Có kết quả học tập và rèn luyện đạt từ loại khá trở lên;
- + ) Không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ xét học bổng;
- + ) Không có điểm thi, điểm tổng kết học phần không đạt (*dưới 5.0 đối với học phần giáo dục quốc phòng, dưới 4.0 đối với học phần khác*);

+ ) Có số tín chỉ môn học lần đầu đăng ký học & thi trong kỳ chính phải  $\geq 15$  tín chỉ. Với những sinh viên có số tín chỉ môn học lần đầu học và thi ít hơn số tín chỉ quy định ở học kỳ xét học bổng khuyến khích học tập (*do đã học vượt một số môn ở kỳ trước*) tuy nhiên có số tín chỉ tích lũy đến thời điểm xét  $\geq$  số tín chỉ tích lũy quy định theo chương trình đào tạo, thì cũng sẽ được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập.

- Trong trường hợp số lượng sinh viên thuộc diện được xét cấp học bổng khuyến khích học tập nhiều hơn định mức số suất học bổng đã được phân bổ, thì tiến hành việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập theo thứ tự từ loại học bổng xuất sắc trở xuống đến hết định mức đã được phân bổ. Nếu trong cùng một loại học bổng có nhiều sinh viên có điểm trung bình chung học tập theo thang điểm 4 bằng nhau, thì ưu tiên sinh viên có điểm trung bình chung học tập theo thang điểm 10 cao hơn, nếu vẫn bằng nhau thì ưu tiên sinh viên có điểm rèn luyện cao hơn.

- Sau khi xét cấp học bổng theo định mức đã được phân bổ mà số tiền phân bổ vẫn còn và còn sinh viên đủ điều kiện được xét cấp thì xử lý như sau: Nếu số tiền còn lại  $\geq 50\%$  số tiền của suất học bổng cuối mà sinh viên được hưởng, thì xét thêm 1 suất học bổng cho sinh viên. Nếu số tiền còn lại  $< 50\%$  số tiền của suất học bổng cuối mà sinh viên được hưởng thì không xét thêm 1 suất học bổng cho sinh viên.

- Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên.

### Điều 2. Nguồn học bổng khuyến khích học tập

Học bổng khuyến khích học tập được bố trí tối thiểu 8% nguồn thu học phí hàng năm đối với sinh viên hệ chính quy đang học theo học tại trường.

### Điều 3: Xếp loại và mức học bổng khuyến khích học tập

#### 1. Xếp loại học bổng khuyến khích học tập

<b>Điểm Rèn luyện</b> <b>ĐTBTC học tập</b>	<b>Khá</b>	<b>Tốt</b>	<b>Xuất sắc</b>
<b>Khá</b>	Học bổng loại <b>Khá</b>	Học bổng loại <b>Khá</b>	Học bổng loại <b>Khá</b>
<b>Giỏi</b>	Học bổng loại <b>Khá</b>	Học bổng loại <b>Giỏi</b>	Học bổng loại <b>Giỏi</b>
<b>Xuất sắc</b>	Học bổng loại <b>Khá</b>	Học bổng loại <b>Giỏi</b>	Học bổng loại <b>Xuất sắc</b>

Điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện được xác định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể như sau:

##### a. Điểm trung bình chung học tập

<b>TT</b>	<b>Điểm trung bình chung học tập (Điểm hệ 4)</b>	<b>Xếp loại</b>
1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 – 3,59	Giỏi
3	2,50 – 3,19	Khá

Điểm trung bình chung học tập của kỳ xét học bổng được tính từ điểm thi, kiểm tra hết môn học (học phần) và tổng kết học phần ở lần thi thứ nhất. Kết quả học tập của môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng (là môn điều kiện để xét học bổng KKHT) và các học phần chuẩn đầu ra không đưa vào để tính điểm trung bình chung học tập.

##### b. Điểm rèn luyện

<b>TT</b>	<b>Điểm</b>	<b>Xếp loại</b>
1	90 – 100	Xuất sắc
2	80 – 89	Giỏi
3	65 – 79	Khá

#### 2. Mức học bổng khuyến khích học tập

- Mức học bổng KKHT được quy định như sau:

- + Mức học bổng loại khá: Bằng 100% mức thu học phí tín chỉ của khóa, ngành đó.
- + Mức học bổng loại giỏi: Bằng 115% mức thu học phí tín chỉ của khóa, ngành đó.
- + Mức học bổng loại xuất sắc: Bằng 125% mức thu học phí tín chỉ của khóa, ngành đó.

- Học bổng KKHT của một sinh viên nhận được trong học kỳ xét học bổng nếu đủ điều kiện và đạt ở các mức được xác định theo công thức sau:

+ Học bổng loại khá = Mức học bổng loại khá x Tổng số tín chỉ tính điểm của các học phần trong học kỳ xét học bổng (*không bao gồm số tín chỉ các học phần: học lại, học cải thiện điểm, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, kỹ năng mềm, chuẩn đầu ra tin học, chuẩn đầu ra ngoại ngữ trong học kỳ xét học bổng*).

+ Học bổng loại giỏi = Mức học bổng loại giỏi x Tổng số tín chỉ tính điểm của các học phần trong học kỳ xét học bổng (*không bao gồm số tín chỉ các học phần: học lại, học cải thiện điểm, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, kỹ năng mềm, chuẩn đầu ra tin học, chuẩn đầu ra ngoại ngữ trong học kỳ xét học bổng*).

+ Học bổng loại xuất sắc = Mức học bổng loại xuất sắc x Tổng số tín chỉ tính điểm của các học phần trong học kỳ xét học bổng (*không bao gồm số tín chỉ các học phần: học lại, học cải thiện điểm, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, kỹ năng mềm, chuẩn đầu ra tin học, chuẩn đầu ra ngoại ngữ trong học kỳ xét học bổng*).

**Ghi chú:** Tiền học bổng theo từng loại sẽ làm tròn đến chục nghìn đồng;

#### **Điều 4. Quy trình xét cấp học bổng khuyến khích học tập**

##### **1. Thời gian xét cấp học bổng khuyến khích học tập**

- Học kỳ 1: Xét vào tháng 3 hàng năm.
- Học kỳ 2: Xét vào tháng 9 hàng năm, riêng các lớp cuối khóa xét trước khi sinh viên tốt nghiệp ra trường.

##### **2. Trình tự xét cấp học bổng khuyến khích học tập**

**Bước 1:** Đầu mỗi năm học, học kỳ: Căn cứ vào mức thu học phí hiện hành, tỷ lệ trích quỹ học bổng, số lượng sinh viên thực tế đang học tại các khoa/bộ môn, Phòng Kế hoạch - Tài chính phối hợp với Phòng Công tác sinh viên lập dự toán và phân bổ quỹ học bổng khuyến khích học tập cho các Khoa/Bộ môn trong học kỳ trình Hiệu trưởng phê duyệt.

**Bước 2:** Sau khi thi kết thúc học kỳ, Phòng Đào tạo tính điểm trung bình chung học tập của học kỳ trên phần mềm quản lý đào tạo, thông báo kết quả tính cho Phòng Công tác sinh viên biết để thực hiện xét duyệt danh sách sinh viên đủ điều kiện được xét cấp học bổng khuyến khích học tập trên phần mềm quản lý đào tạo.

##### **Bước 3:** Phòng Công tác sinh viên

- Căn cứ vào quỹ học bổng khuyến khích học tập đã được Nhà trường phân bổ theo Khoa/Bộ môn, khóa, ngành, chuyên ngành, Phòng Công tác sinh viên xét duyệt danh sách dự kiến sinh viên được nhận học bổng khuyến khích học tập trên phần mềm quản lý đào tạo theo quy định tại Điều 1, 2, 3 của Quyết định này.

- Công khai danh sách dự kiến sinh viên được nhận học bổng khuyến khích học tập đến Khoa/Bộ môn quản lý sinh viên và sinh viên trong trường được biết để rà soát và kịp

thời phản ánh, đề nghị điều chỉnh những sai sót, vướng mắc (nếu có). Thời gian công khai 5 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành thông báo.

- Đề xuất Hội đồng xét cấp học bổng KKHT cấp trường thông qua theo (mẫu 1).

**Bước 4:** Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cấp trường: Họp xét thông qua danh sách sinh viên được nhận học bổng khuyến khích học tập. Biên bản họp Hội đồng và danh sách sinh viên được hội đồng thông quan theo (mẫu 2, 3).

**Bước 5:** Căn cứ Biên bản và danh sách sinh viên được Hội đồng xét cấp học bổng khuyến khích học tập cấp trường thông qua, Phòng Công tác sinh viên thông báo công khai kết quả cho Khoa/Bộ môn quản lý sinh viên và sinh viên được biết để rà soát và kịp thời phản ánh, đề nghị điều chỉnh những sai sót, vướng mắc (nếu có). Thời gian công khai 5 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành thông báo. Kết thúc thời gian công khai, nếu không có ý kiến thắc mắc cần phải làm rõ thêm, Phòng Công tác sinh viên thảo quyết định trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách sinh viên được nhận học bổng KKHT (mẫu 4, 5).

## **Phần 2**

### **HỌC BỔNG CHÍNH SÁCH**

#### **Điều 5. Đối tượng xét và mức học bổng chính sách**

- Đối tượng: Sinh viên theo chế độ cử tuyển.
- Mức học bổng chính sách: Bằng 80% mức lương cơ sở/tháng.

#### **Điều 6. Thời gian hưởng và nơi cấp học bổng chính sách**

- Học bổng chính sách được cấp đủ 12 tháng/năm, số năm học được hưởng học bổng chính sách không vượt quá số năm hoặc số học kỳ tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo tương ứng với ngành học theo quy định. Riêng đối với năm học cuối được hưởng theo số tháng thực học.

- Nơi cấp: Sở Nội vụ hoặc Sở lao động – Thương binh và xã hội nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của sinh viên.

#### **Điều 7. Hồ sơ và quy trình xét hưởng học bổng chính sách**

Theo quy định của Sở Nội vụ hoặc Sở lao động – Thương binh và xã hội nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của sinh viên.

## **Phần 3**

### **TRỢ CẤP XÃ HỘI**

#### **Điều 8. Nguyên tắc xét, cấp trợ cấp xã hội**

Việc xét, cấp trợ cấp xã hội phải đảm bảo nguyên tắc công bằng, dân chủ, minh bạch theo đúng chế độ và quy định của Nhà nước và của Nhà trường.

#### **Điều 9. Đối tượng xét và mức trợ cấp xã hội**

Theo thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐTB&XH, ngày 25/8/1998 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Tài chính – Bộ Lao động Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh

viên các trường đào tạo công lập. Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội là sinh viên hệ chính quy đang học theo học tại trường thuộc các diện sau đây:

1. Sinh viên là người dân tộc ít người thường trú tại các xã vùng cao từ 3 năm trở lên tính đến thời điểm vào học tại trường.

- Mức trợ cấp xã hội là 140.000 đồng/tháng.

2. Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa, không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên.

- Mức trợ cấp xã hội là 100.000 đồng/tháng.

3. Sinh viên là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên và được Hội đồng y khoa cấp Tỉnh/Thành phố xác nhận.

- Mức trợ cấp xã hội là 100.000 đồng/tháng.

4. Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc hộ nghèo có điểm trung bình chung học kỳ đạt loại Khá trở lên và rèn luyện đạt từ loại Tốt trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ xét trợ cấp.

- Mức trợ cấp xã hội là 100.000 đồng/tháng.

#### **Điều 10: Thời gian hưởng trợ cấp xã hội**

1. Đối với sinh viên học bình thường

Được trợ cấp xã hội đủ 12 tháng trong năm học và được cấp làm 2 lần, mỗi lần cấp 6 tháng/học kỳ

2. Đối với sinh viên thuộc diện ngừng học

- Sinh viên ngừng học do ốm đau, tai nạn: được hưởng trợ cấp xã hội như sinh viên học bình thường.

- Sinh viên ngừng học vì lý do cá nhân hoặc bị đình chỉ học tập do kỷ luật sẽ không được hưởng trợ cấp xã hội trong thời gian ngừng học hoặc bị đình chỉ. Khi sinh viên quay trở lại học tập sau khi hết thời gian đình chỉ hoặc kỷ luật, Nhà trường sẽ tiếp tục trợ cấp xã hội cho sinh viên.

3. Đối với sinh viên thuộc diện thôi học, buộc thôi học do kỷ luật, buộc thôi học do cảnh báo học tập hoặc xóa tên ....

Sinh viên tự nguyện xin thôi học, bị kỷ luật buộc thôi học, buộc thôi học do cảnh báo học tập hoặc xóa tên..., sẽ không được nhận trợ cấp xã hội kể từ thời điểm có quyết định.

#### **Điều 11: Hồ sơ xin hưởng trợ cấp xã hội**

Để thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ chính quy đang học theo học tại trường, sinh viên thuộc diện được hưởng TCXH phải tiến hành làm hồ sơ sau:

1. Sinh viên là người dân tộc ít người thường trú tại các xã vùng cao từ 3 năm trở lên tính đến thời điểm vào học tại trường. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị được hưởng trợ cấp xã hội (*mẫu 6*);
- Giấy khai sinh của sinh viên (bản sao hoặc bản gốc phô tô công chứng);
- Sổ hộ khẩu gia đình (bản phô tô công chứng).

2. Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa, không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị được hưởng trợ cấp xã hội (*mẫu 6*);
- Giấy khai sinh của sinh viên (bản sao hoặc bản gốc phô tô công chứng);
- Xác nhận của UBND cấp Xã/Phường/Thị trấn là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên hoặc giấy chứng tử của bố và mẹ (phô tô công chứng).

3. Sinh viên là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên và được Hội đồng y khoa cấp Tỉnh/Thành phố xác nhận. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị được hưởng trợ cấp xã hội (*mẫu 6*);
- Biên bản giám định thương tật của Hội đồng Y khoa cấp Tỉnh/Thành phố (bản sao hoặc bản gốc phô tô công chứng);
- Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của UBND cấp Xã/Phường/Thị trấn.

4. Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc hộ nghèo có điểm trung bình chung học kỳ đạt loại Khá trở lên và rèn luyện đạt từ loại Tốt trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ xét trợ cấp. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị được hưởng trợ cấp xã hội (*mẫu 6*);
- Giấy chứng nhận hoặc giấy xác nhận sinh viên thuộc hộ nghèo do UBND cấp Xã/Phường/Thị trấn xác nhận;
- Bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của kỳ trước liền kề kỳ xin xét TCXH.

## **Điều 12. Quy trình xét trợ cấp xã hội**

**Bước 1:** Phòng Công tác sinh viên: Tổng hợp danh sách sinh viên đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội theo quy định (*mẫu 7*), thông báo cho sinh viên được biết để nộp hồ sơ xác nhận hưởng trợ cấp xã hội.

**Bước 2:** Sinh viên nộp hồ sơ xác nhận hưởng trợ cấp xã hội

- Hồ sơ theo quy định tại Điều 9 của hướng dẫn này.
- Hồ sơ xin hưởng trợ cấp xã hội nộp trực tiếp tại Phòng Công tác sinh viên.

+) Sinh viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 của Điều 9: nộp hồ sơ xin hưởng trợ cấp xã hội một lần trong toàn khóa học, Nhà trường sẽ xét trợ cấp xã hội cho sinh viên đủ điều kiện tính từ thời điểm sinh viên nộp hồ sơ cho đến khi kết thúc khóa học (*nếu không có sự thay đổi về đối tượng trợ cấp xã hội*).



+) Sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 của Điều 9: Nộp hồ sơ mỗi kỳ một lần khi có kết quả học tập và rèn luyện của học kỳ trước liền kề. Nhà trường sẽ xét trợ cấp xã hội cho sinh viên theo từng học kỳ.

- Thời gian nhận hồ sơ:

+ Học kỳ I: Từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 01 tháng 11 hàng năm.

+ Học kỳ II: Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 01 tháng 3 hàng năm.

+ Hoặc theo thời gian thông báo cụ thể của từng kỳ.

- Sinh viên được hưởng trợ cấp xã hội tính từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ.

**Bước 3:** Phòng Công tác sinh viên: Tổng hợp danh sách sinh viên đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội theo quy định (*mẫu 8*), đề xuất và tổ chức họp Hội đồng.

**Bước 4:** Hội đồng xét trợ cấp xã hội: Hội đồng họp xét danh sách lần cuối. Phòng Công tác sinh viên thay mặt Hội đồng thảo quyết định trình Hiệu trưởng phê duyệt (*mẫu 9, 10, 11*).

## **Phần 4**

### **HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

#### **Điều 13. Nguyên tắc xét, cấp hỗ trợ chi phí học tập**

1. Việc xét, cấp hỗ trợ chi phí học tập phải đảm bảo nguyên tắc công bằng, dân chủ, minh bạch theo đúng chế độ và quy định của Nhà nước và của Nhà trường.

2. Hỗ trợ chi phí học tập cấp theo số tháng đối tượng được hưởng theo quy định và được cấp làm 2 lần/năm (*mỗi học kỳ cấp 1 lần*).

#### **Điều 14: Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập và mức hỗ trợ**

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; Nghị định số: 57/2017/NĐ-CP, ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập là sinh viên hệ chính quy đang học theo học tại trường thuộc các diện sau đây:

1. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo.

- Mức hỗ trợ: Bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng 10 tháng/ năm học/ sinh viên (*5 tháng/ học kỳ/ sinh viên*).

2. Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người

- Mức hỗ trợ: Bằng 100% mức lương cơ sở và được hưởng 12 tháng/ năm học/ sinh viên (*6 tháng/ học kỳ/ sinh viên*).

### **Điều 15: Hồ sơ xin hưởng hỗ trợ chi phí học tập**

Để thực hiện chế độ Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên hệ chính quy đang học theo học tại trường, sinh viên thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập phải tiến hành làm hồ sơ sau:

1. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (*mẫu 12*);
- Giấy chứng nhận hoặc giấy xác nhận sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo do UBND cấp Xã/Phường/Thị trấn cấp;

- Giấy khai sinh của sinh viên (bản sao hoặc bản gốc phô tô công chứng).

2. Sinh viên là người dân tộc thiểu rất ít người. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (*mẫu 12*);
- Giấy khai sinh của sinh viên (bản sao hoặc bản gốc phô tô công chứng);
- Sổ hộ khẩu gia đình (bản phô tô công chứng).

### **Điều 16: Quy trình xét hỗ trợ chi phí học tập**

**Bước 1:** Phòng Công tác sinh viên: Tổng hợp danh sách sinh viên đủ điều kiện hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo quy định (*mẫu 13*), thông báo cho sinh viên được biết để nộp hồ sơ xác nhận hưởng hỗ trợ chi phí học tập.

**Bước 2:** Sinh viên nộp hồ sơ xác nhận hưởng hỗ trợ chi phí học tập

- Hồ sơ theo quy định tại Điều 15 của hướng dẫn này.

- Hồ sơ xin hưởng hỗ trợ chi phí học tập nộp trực tiếp tại Phòng Công tác sinh viên.

+ Sinh viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 của Điều 14: nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập đầy đủ lần đầu trong toàn khóa học và hằng năm nộp bổ sung giấy chứng nhận hoặc xác nhận hộ nghèo, cận nghèo do UBND Xã/Phường/Thị trấn cấp để làm căn cứ xét cho các học kỳ tiếp theo. Nhà trường sẽ xét hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên đủ điều kiện tính từ thời điểm sinh viên nộp hồ sơ.

+ Sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 của Điều 14: Nộp hồ sơ một lần trong toàn khóa học.

- Thời gian nhận hồ sơ:

- + Học kỳ I: Từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 01 tháng 11 hàng năm.

- + Học kỳ II: Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 01 tháng 3 hàng năm.

- + Hoặc theo thời gian thông báo cụ thể của từng kỳ.

- Sinh viên được hỗ trợ chi phí học tập tính từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ.

**Bước 3** Phòng Công tác sinh viên: Tổng hợp danh sách sinh viên đủ điều kiện theo quy định được hỗ trợ chi phí học tập (*mẫu 14*), đề xuất và tổ chức họp Hội đồng.

**Bước 4:** Hội đồng xét duyệt hỗ trợ chi phí học tập: Hội đồng họp xét danh sách lần cuối. Phòng Công tác sinh viên thay mặt Hội đồng thảo quyết định trình Hiệu trưởng phê duyệt (mẫu 15, 16, 17).

## **Phần 5**

### **HỘI ĐỒNG XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP TRỢ CẤP XÃ HỘI VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

#### **Điều 17. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng**

Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập của Nhà trường gồm các thành phần sau:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng do Hiệu trưởng ủy quyền.
- Phó chủ tịch Hội đồng: Trưởng phòng Công tác sinh viên.
- Các ủy viên: Trưởng các Khoa, Bộ môn quản lý sinh viên, Trưởng Phòng Kế hoạch – Tài chính; Trưởng Phòng Đào tạo.
- Thư ký Hội đồng: chuyên viên Phòng Công tác sinh viên theo dõi học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập.

#### **Điều 18. Nhiệm vụ của Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập**

1. Hội đồng xét duyệt học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện nhiệm vụ xem xét, tư vấn giúp Hiệu trưởng về việc xây dựng tiêu chí, xét duyệt và đề xuất phương án xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên hệ chính quy của Nhà trường tại mỗi học kỳ và năm học.

2. Hội đồng xét cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập của Nhà trường họp ít nhất 01 lần/học kỳ để xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên tại học kỳ đó. Trong trường hợp đặc biệt Hội đồng họp theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

## **Phần 6**

### **ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN**

#### **Điều 19. Thu hồi học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập**

1. Những sinh viên thuộc diện được cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập nếu xin ngừng học, xin thôi học (hoặc tự ý bỏ học) thì không được cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập.

2. Những sinh viên đã được cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập nhưng xin thôi học, tự ý bỏ học, bị xoá tên hoặc bỏ học hoặc bị tố giác đã gian lận trong thi, kiểm tra, trong kê khai để đánh giá kết quả rèn luyện để được

cấp học bổng khuyến khích học tập thì bị thu hồi học bổng khuyến khích học tập, kê khai làm giả giấy tờ để được hưởng trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập thì phải hoàn trả tiền trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đã được cấp. Việc thu hồi học bổng khuyến khích học tập, hoàn trả tiền trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập phải được thể hiện trong quyết định xoá tên sinh viên hoặc quyết định cho thôi học hoặc buộc thôi học hoặc quyết định thu hồi, hoàn trả học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập.

#### **Điều 20. Quyền khiếu nại**

Sinh viên có quyền khiếu nại lên các Phòng chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập của Nhà trường và Hiệu trưởng có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định hiện hành.

#### **Điều 21. Tổ chức thực hiện**

1. Trưởng Phòng Công tác sinh viên, Trưởng các Khoa, Bộ môn quản lý sinh viên chịu trách nhiệm phổ biến, triển khai thực hiện Quy định này trong cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên đơn vị mình.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các đơn vị đề xuất với Hiệu trưởng (thông qua Phòng Công tác sinh viên) để xem xét điều chỉnh, bổ sung./.

---